

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ



# SỔ TAY HỌC VỤ

HỌC KỲ I NĂM HỌC 2023-2024



## MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU .....	3
ĐĂNG KÝ HỌC PHẦN .....	4
1. Các loại học phần .....	4
2. Đăng ký học lại .....	4
3. Đăng ký học cải thiện điểm.....	4
4. Số tín chỉ đăng ký trong một học kỳ .....	4
5. Đăng ký học phần.....	5
6. Một số lưu ý khi đăng ký học .....	5
THỜI GIAN HỌC TẬP VÀ GIẢNG DẠY .....	7
DANH SÁCH CÁC HỌC PHẦN GIẢNG DẠY TRONG HỌC KỲ I NĂM HỌC 2023-2024 .....	8
HƯỚNG DẪN ĐĂNG KÝ HỌC TRỰC TUYẾN .....	20
1. Truy cập .....	20
2. Đổi mật khẩu .....	21
3. Kiểm tra thông tin cá nhân .....	21
4. Đăng ký học phần.....	21
5. Kết thúc chương trình .....	25
ĐIỀU KIỆN ĐỂ ĐƯỢC MIỄN HỌC HỌC PHẦN TIẾNG ANH.....	26
BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỊNH MỘT SỐ CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ (TIẾNG NHẬT) QUỐC TẾ TƯƠNG ỨNG VỚI YÊU CẦU CHUẨN ĐẦU RA VỀ TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ .....	28
MỘT SỐ ĐIỂM CẦN LƯU Ý TRONG QUY CHẾ ĐÀO TẠO .....	29
1. Thi kết thúc học phần.....	29
2. Cách tính điểm đánh giá bộ phận, điểm học phần .....	29
3. Điểm chung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy .....	29
4. Cách tính điểm chung bình chung.....	29
5. Xử lý học vụ.....	30
6. Điều kiện tốt nghiệp .....	31
7. Chuyển đổi sinh viên giữa các chương trình đào tạo.....	31
KẾ HOẠCH HỌC TẬP TOÀN KHÓA.....	0

## LỜI MỞ ĐẦU

Sổ tay học vụ được Nhà trường phát hành vào đầu mỗi năm học, cung cấp các thông tin cần thiết liên quan đến học vụ nhằm giúp các bạn sinh viên có thể tổ chức tốt kế hoạch học tập của mình.

Khi cần được giải đáp các vấn đề liên quan đến học vụ, sinh viên có thể:

1. Trình bày với cố vấn học tập để được giải đáp cụ thể.
2. Trình bày rõ ràng bằng văn bản nộp tại **Phòng 104-E3**.
3. Trình bày và gửi qua địa chỉ email: [daotao\\_dhcn@vnu.edu.vn](mailto:daotao_dhcn@vnu.edu.vn).

Bên cạnh đó, yêu cầu sinh viên có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra hộp thư điện tử do nhà trường cung cấp cho từng sinh viên vào đầu khóa học, Phòng Đào tạo sẽ sử dụng địa chỉ hòm thư này để gửi các thông tin liên quan và liên hệ với sinh viên khi cần.

Nhà trường hy vọng các bạn sinh viên sẽ sử dụng cuốn sổ tay học vụ hữu ích để cùng với sự trợ giúp của cố vấn học tập tổ chức tốt kế hoạch học tập của mình.

**PHÒNG ĐÀO TẠO**

# **ĐĂNG KÝ HỌC PHẦN**

## **1. Các loại học phần**

a) Học phần bắt buộc là học phần có những nội dung kiến thức chính của chương trình đào tạo. Sinh viên bắt buộc phải tích lũy;

b) Học phần tự chọn có điều kiện là học phần có những nội dung kiến thức thể hiện tính đa dạng của chương trình đào tạo. Sinh viên lựa chọn trong số các học phần tự chọn theo quy định của chương trình đào tạo để hoàn thành học phần;

c) Học phần tự chọn tự do là học phần do sinh viên chọn theo nhu cầu cá nhân. Kết quả đánh giá học phần tự chọn tự do không tính vào điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy, nhưng được ghi vào bảng điểm cấp kèm theo bằng tốt nghiệp đối với trường hợp đạt điểm D trở lên;

d) Học phần tiên quyết của một học phần là học phần bắt buộc sinh viên phải tích lũy trước khi học học phần đó;

e) Khóa luận, đồ án tốt nghiệp là học phần bắt buộc đối với chương trình đào tạo chất lượng cao và là học phần tự chọn có điều kiện đối với chương trình đào tạo chuẩn;

f) Học phần điều kiện là các học phần ngoại ngữ, giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng - an ninh và kỹ năng bổ trợ (học phần kỹ năng bổ trợ chỉ áp dụng đối với các khóa QH-2018-I/CQ trở về trước). Kết quả đánh giá các học phần điều kiện không tính vào điểm trung bình chung học kỳ, điểm trung bình chung các học phần và điểm trung bình chung tích lũy, nhưng là điều kiện để xét tốt nghiệp;

g) Đối với sinh viên Khóa QH-2022 trở đi: Học phần Ngoại ngữ trong chương trình đào tạo là học phần sinh viên bắt buộc phải tích lũy trong CTĐT.

## **2. Đăng ký học lại**

a) Đối với các học phần bắt buộc, nếu bị điểm F, sinh viên phải đăng ký học lại học phần đó;

b) Đối với học phần tự chọn có điều kiện, nếu bị điểm F, sinh viên đăng ký học lại học phần đó hoặc đăng ký học học phần tự chọn khác cùng khối kiến thức để thay thế.

## **3. Đăng ký học cải thiện điểm**

Đối với các học phần đạt điểm D, D+ sinh viên được đăng ký học lại học phần đó hoặc học đổi sang học phần khác (nếu là học phần tự chọn có điều kiện) để cải thiện điểm trung bình chung tích lũy. Điểm học phần cũ bị hủy bỏ khi việc đăng ký học lại để cải thiện điểm được chấp nhận và sẽ được thay bằng điểm học phần để cải thiện điểm.

## **4. Số tín chỉ đăng ký trong một học kỳ**

Để đảm bảo tiến độ thời gian hoàn thành khóa học và đảm bảo chất lượng học tập, mỗi học kỳ sinh viên đăng ký với số lượng tín chỉ (không bao gồm các học phần ngoại ngữ, giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng - an ninh, kỹ năng bổ trợ, cải thiện điểm, tự chọn tự do) như sau:

Học kỳ chính, không tính học kỳ cuối khóa: tất cả sinh viên phải thực hiện đăng ký lớp học phần trước khi học kỳ mới bắt đầu.

Đối với sinh viên các khóa QH-2021, QH-2020, QH-2019: Số tín chỉ tối thiểu sinh viên phải đăng ký: 14 tín chỉ đối với sinh viên hệ chuẩn, 16 tín chỉ đối với chất lượng cao. Số tín chỉ tối đa được phép đăng ký: 25 tín chỉ đối với sinh viên theo học một ngành, 28 tín chỉ đối với sinh viên theo học bằng kép.

Đối với sinh viên Khóa QH-2022 trở đi: Số tín chỉ đăng ký học trong mỗi học kỳ chính (không bao gồm các học phần giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng – an ninh, cải thiện điểm, tự chọn tự do) đảm bảo điều kiện khối lượng đăng ký tối thiểu không ít hơn 2/3 khối lượng trung bình một học kỳ theo kế hoạch học tập chuẩn; khối lượng tối đa không vượt quá 3/2 khối lượng trung bình một học kỳ theo kế hoạch học tập chuẩn (không tính học kỳ cuối khóa).

Chỉ những sinh viên đăng ký lớn hơn hoặc bằng số tín chỉ tối thiểu mới được xét học bổng khuyến khích học tập. Trường hợp sinh viên có nguyện vọng đăng ký học ít hơn số tín chỉ tối thiểu trong một học kỳ phải được sự đồng ý của Thủ trưởng đơn vị đào tạo.

Học kỳ phụ: không bắt buộc, sinh viên đăng ký học theo nguyện vọng.

Sinh viên thuộc diện cảnh báo học vụ: tổng số tín chỉ đăng ký học (tối thiểu, tối đa) sẽ do Khoa/Viện/Bộ môn và Cố vấn học tập tư vấn, quy định cụ thể đối với từng trường hợp.

## **5. Đăng ký học phần**

**Chú ý:** Đầu khóa học Nhà trường đã cung cấp cho sinh viên chương trình đào tạo ngành học, quy chế đào tạo và bố trí Cố vấn học tập. Căn cứ Khung chương trình đào tạo và tiến trình đào tạo tương ứng, sinh viên nghiên cứu cùng với sự tư vấn của Cố vấn học tập xây dựng kế hoạch học tập toàn khóa của cá nhân (mẫu Kế hoạch học tập toàn khóa). Sinh viên lưu ý nghiên cứu kỹ và phải đăng ký học đúng lớp học phần tương ứng theo Khung chương trình đào tạo, tránh nhầm lẫn giữa các học phần có tên tương tự nhưng có mã học phần và số tín chỉ khác nhau.

- Đầu mỗi học kỳ, PĐT đã đăng ký sẵn các học phần thuộc nhóm các học phần bắt buộc cho sinh viên theo tiến trình đào tạo.

- Sinh viên được phép đăng ký những học phần muốn học thêm hoặc đăng ký đổi sang lớp học phần khác trong 2 tuần đầu của học kỳ qua cổng thông tin đào tạo.

- Sau 2 tuần đầu học kỳ, dữ liệu đăng ký học sẽ được chốt, sinh viên không được phép điều chỉnh đăng ký học nữa.

Khi gặp khó khăn về đăng ký học sinh viên có thể liên hệ trực tiếp với Phòng Đào tạo tại phòng 105-E3 hoặc qua các kênh sau:

- ĐT: 024.37547865

- Email: daotao\_dhcn@vnu.edu.vn (lưu ý sinh viên bắt buộc dùng email cá nhân do Nhà trường cung cấp)

## **6. Một số lưu ý khi đăng ký học**

- Khi có nhu cầu học trả nợ/cải thiện hoặc học theo kế hoạch học tập cá nhân, sinh viên cần tham gia các khảo sát nhu cầu mở lớp hàng kỳ của PĐT.

- Thời gian của khóa học đào tạo chính quy theo chương trình đào tạo chuẩn, chất lượng cao tương ứng là 8 học kỳ chính đối với đào tạo cử nhân, 9 học kỳ chính đối với đào tạo kỹ sư.

- Thời gian được phép tạm ngừng học để củng cố kiến thức, cải thiện kết quả học tập là 4 học kỳ chính, do đó sinh viên cần phải tính toán, lập kế hoạch để hoàn thiện được chương trình đào tạo trong thời gian của khóa học.

- Đối với sinh viên Khóa QH-2022 trở đi: Thời gian tối đa để sinh viên hoàn thành khóa học không vượt quá 2 lần thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa đối với mỗi hình thức đào tạo.

- Trước khi đăng ký học phần chính thức, sinh viên cần kiểm tra thật cẩn thận các thông tin sau:

- Ngày giờ đăng ký và thời hạn chốt để đăng ký;
- Tên và mã số học phần, lớp học phần;
- Điều kiện tiên quyết của học phần có được bảo đảm hay không.
- Các lớp học phần có bị trùng lặp về thời gian học không.
- Có bảo đảm khối lượng học tập tối thiểu (hoặc tối đa) hay không.
- Các lớp học phần mở ra hàng kỳ có sự khác nhau giữa CTĐT chuẩn và CTĐT CLC (trừ lớp CLC của CNTT), nên sinh viên cần đọc kỹ các thông báo trong thời khóa biểu tránh đăng ký nhầm.

- Trong 2 tuần đầu của học kỳ chính, sinh viên được phép đăng ký những học phần muốn học thêm hoặc đăng ký đổi sang lớp học phần khác.

Ngoài thời hạn trên, học phần vẫn được giữ nguyên, nếu sinh viên không học sẽ phải nhận điểm F và không được trả lại học phí.

- Phần giảng dạy lý thuyết được tổ chức tại giảng đường, phòng học theo công bố trên Thời khóa biểu. Mỗi lớp từ 20 đến 200 sinh viên. Các nhóm bài tập/thực hành/thực tập mỗi nhóm từ 20 đến 40 sinh viên. Nếu vì lý do khách quan như sĩ số sinh viên các chuyên ngành ít, do chương trình đào tạo cập nhật thay đổi.... không thể thực hiện theo đúng quy định này, Phòng Đào tạo phải báo cáo Hiệu trưởng đối với từng trường hợp cụ thể để xem xét giải quyết. Trường hợp các

lớp học phần không đủ số sinh viên để mở lớp, Phòng đào tạo sẽ ra thông báo hủy học phần của những sinh viên đã đăng ký. Sinh viên có trách nhiệm liên hệ với Phòng Đào tạo để đăng ký lại học phần theo thời gian Phòng Đào tạo quy định trong thông báo.

- Sinh viên cần tự bảo mật các tài khoản cá nhân như: tài khoản email, tài khoản đăng ký học, tài khoản trên các hệ thống online của Nhà trường. Nếu có vấn đề phát sinh cần liên hệ ngay PĐT để được hướng dẫn giải quyết.

- Sinh viên phải chịu trách nhiệm khi sử dụng hệ thống đăng ký học. Đặc biệt nghiêm cấm sử dụng phần mềm khác can thiệp vào hệ thống đăng ký học, nếu vi phạm sinh viên sẽ tự chịu hoàn toàn trách nhiệm, chịu xử lý kỷ luật và trừ điểm rèn luyện tùy theo mức độ.

- Đối với môn Giáo dục thể chất: sinh viên phải học đủ 4 tín chỉ bố trí đều thành 4 học phần và mỗi SV chỉ được đăng ký học một học phần trong một học kỳ. Nếu cố tình đăng ký 2 học phần sẽ bị hủy 01 học phần.

Địa điểm học: Sân vận động đa năng đại học Ngoại ngữ - ĐHQG Hà Nội.

## THỜI GIAN HỌC TẬP VÀ GIẢNG DẠY

SÁNG			CHIỀU			TỐI		
Tiết	Thời gian học	Nghỉ	Tiết	Thời gian học	Nghỉ	Tiết	Thời gian học	Nghỉ
1	07h00' ÷ 07h50'	10'	7	13h00' ÷ 13h50'	10'	13	19h00' ÷ 19h50'	10'
2	08h00' ÷ 08h50'	10'	8	14h00' ÷ 14h50'	10'	14	20h00' ÷ 20h50'	
3	09h00' ÷ 09h50'	10'	9	15h00' ÷ 15h50'	10'			
4	10h00' ÷ 10h50'	10'	10	16h00' ÷ 16h50'	10'			
5	11h00' ÷ 11h50'	10'	11	17h00' ÷ 17h50'	10'			
6	13h00' ÷ 13h50'	10'	12	18h00' ÷ 18h50'	10'			

**Ghi chú:** Áp dụng thống nhất đối với cả giờ học tại giảng đường, tại phòng máy tính, phòng thí nghiệm.

# DANH SÁCH CÁC HỌC PHẦN GIẢNG DẠY TRONG HỌC KỲ I NĂM HỌC 2023-2024

Tư vấn	Lớp học phần	Tên học phần	TC	LT	Th H	TH	Mã học phần tiên quyết
<b>QH-2023-I/CQ-C</b>	PHI1006	Triết học Mác – Lênin	3	30	15		
	MAT1093	Đại số	4	30	30		
	EPN1095	Vật lý đại cương 1	2	30			
	MAT1041	Giải tích 1	4	30	30		
	INT1007	Giới thiệu về Công nghệ thông tin	3	15	30		
	INT1008	Nhập môn lập trình	3	20	25		
<b>QH-2023-I/CQ-J</b>	PHI1006	Triết học Mác – Lênin	3	30	15		
	MAT1093	Đại số	4	30	30		
	EPN1095	Vật lý đại cương 1	2	30			
	MAT1041	Giải tích 1	4	30	30		
	INT1007	Giới thiệu về Công nghệ thông tin	3	15	30		
	INT1008	Nhập môn lập trình	3	20	25		
	JAP4021	Tiếng Nhật 1A	4	16	40		
<b>QH-2023-I/CQ-K</b>	MAT1093	Đại số	4	30	30		
	EPN1095	Vật lý đại cương 1	2	30			
	MAT1041	Giải tích 1	4	30	30		
	INT1007	Giới thiệu về Công nghệ thông tin	3	15	30		
	INT1008	Nhập môn lập trình	3	20	25		
	ELT2028	Chuyên nghiệp trong công nghệ	2	30			
<b>QH-2023-I/CQ-R</b>	MAT1093	Đại số	4	30	30		
	EPN1095	Vật lý đại cương 1	2	30			
	MAT1041	Giải tích 1	4	30	30		
	INT1007	Giới thiệu về Công nghệ thông tin	3	15	30		
	INT1008	Nhập môn lập trình	3	20	25		
	ELT2028	Chuyên nghiệp trong công nghệ	2	30			
<b>QH-2023-I/CQ-H</b>	PHI1006	Triết học Mác – Lênin	3	30	15		
	MAT1093	Đại số	4	30	30		
	EPN1095	Vật lý đại cương 1	2	30			
	MAT1041	Giải tích 1	4	30	30		
	INT1007	Giới thiệu về Công nghệ thông tin	3	15	30		
<b>QH-2023-I/CQ-AT</b>	PHI1006	Triết học Mác – Lênin	3	30	15		
	MAT1093	Đại số	4	30	30		
	EPN1095	Vật lý đại cương 1	2	30			
	MAT1041	Giải tích 1	4	30	30		
	INT1007	Giới thiệu về Công nghệ thông tin	3	15	30		
	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30			
<b>QH-2023-I/CQ-V</b>	PHI1006	Triết học Mác – Lênin	3	30	15		



Tư vấn	Lớp học phần	Tên học phần	TC	LT	Th H	TH	Mã học phần tiên quyết
	MAT1093	Đại số	4	30	30		
	EPN1095	Vật lý đại cương 1	2	30			
	MAT1041	Giải tích 1	4	30	30		
	INT1007	Giới thiệu về Công nghệ thông tin	3	15	30		
		<b>2 tín chỉ tự chọn thuộc các học phần bổ trợ</b>	<b>2</b>				
<b>QH-2023-I/CQ-E</b>	MAT1093	Đại số	4	30	30		
	EPN1095	Vật lý đại cương 1	2	30			
	MAT1041	Giải tích 1	4	30	30		
	INT1007	Giới thiệu về Công nghệ thông tin	3	15	30		
	ELT2028	Chuyên nghiệp trong công nghệ	2	30			
<b>QH-2023-I/CQ-AG</b>	AGT2001	Thực vật, động vật và vi sinh vật học	3	40	5		
	MAT1093	Đại số	4	30	30		
	EPN1095	Vật lý đại cương 1	2	30			
	MAT1041	Giải tích 1	4	30	30		
	INT1007	Giới thiệu về Công nghệ thông tin	3	15	30		
	AGT2000	Nhập môn Công nghệ Nông nghiệp	3	45			
<b>QH-2023-I/CQ-AE</b>	PHI1006	Triết học Mác – Lênin	3	30	15		
	MAT1093	Đại số	4	30	30		
	EPN1095	Vật lý đại cương 1	2	30			
	MAT1041	Giải tích 1	4	30	30		
	INT1007	Giới thiệu về Công nghệ thông tin	3	15	30		
	AER1001	Giới thiệu về Hàng không Vũ trụ	3	45			
<b>QH-2023-I/CQ-XD</b>	MAT1093	Đại số	4	30	30		
	EPN1095	Vật lý đại cương 1	2	30			
	MAT1041	Giải tích 1	4	30	30		
	INT1007	Giới thiệu về Công nghệ thông tin	3	15	30		
	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30			
	CTE2016	Hóa đại cương	2	25	5		
<b>QH-2023-I/CQ-AI</b>	MAT1093	Đại số	4	30	30		
	MAT1041#	Giải tích 1	4	30	30		
	MAT1041	Giải tích 1	4	30	30		
	INT1007	Giới thiệu về Công nghệ thông tin	3	15	30		
	INT1008	Nhập môn lập trình	3	20	25		
	AIT1001	Nhập môn trí tuệ nhân tạo	3	45			
<b>QH-2023-I/CQ-CA-CLC</b>	MAT1093	Đại số	4	30	30		
	EPN1095	Vật lý đại cương 1	2	30			
	MAT1041	Giải tích 1	4	30	30		
	INT1007	Giới thiệu về Công nghệ thông tin	3	15	30		

Tư vấn	Lớp học phần	Tên học phần	TC	LT	Th H	TH	Mã học phần tiên quyết
<b>QH-2023-I/CQ-N-CLC</b>	INT1008	Nhập môn lập trình	3	20	25		
	FLF1107	Tiếng Anh B1	5	20	35		
	EPN1095	Vật lý đại cương 1	2	30			
	MAT1041	Giải tích 1	4	30	30		
	INT1007	Giới thiệu về Công nghệ thông tin	3	15	30		
	INT1008	Nhập môn lập trình	3	20	25		
	FLF1107	Tiếng Anh B1	5	20	35		
<b>QH-2023-I/CQ-T-CLC</b>	MAT1093	Đại số	4	30	30		
	EPN1095	Vật lý đại cương 1	2	30			
	MAT1041	Giải tích 1	4	30	30		
	INT1007	Giới thiệu về Công nghệ thông tin	3	15	30		
	INT1008	Nhập môn lập trình	3	20	25		
	FLF1107	Tiếng Anh B1	5	20	35		
	MAT1093	Đại số	4	30	30		
<b>QH-2023-I/CQ-ĐA-CLC</b>	EPN1095	Vật lý đại cương 1	2	30			
	MAT1041	Giải tích 1	4	30	30		
	INT1007	Giới thiệu về Công nghệ thông tin	3	15	30		
	INT1008	Nhập môn lập trình	3	20	25		
	FLF1107	Tiếng Anh B1	5	20	35		
	MAT1093	Đại số	4	30	30		
	EPN1095	Vật lý đại cương 1	2	30			
<b>QH-2023-I/CQ-M-CLC</b>	MAT1041	Giải tích 1	4	30	30		
	INT1007	Giới thiệu về Công nghệ thông tin	3	15	30		
	FLF1107	Tiếng Anh B1	5	20	35		
	MAT1093	Đại số	4	30	30		
<b>QH-2022-I/CQ-C</b>	INT3514	Pháp luật và đạo đức nghề nghiệp trong CNTT	2	30			
	INT2210	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	4	45	15		INT1008
	INT2212	Kiến trúc máy tính	4	60			INT1007
	INT2211	Cơ sở dữ liệu	4	45	15		INT1008
	INT2204	Lập trình hướng đối tượng	3	30	15		INT1008
	FLF1107	Tiếng Anh B1	5	20	35	20	
		<b>3 tín chỉ tự chọn thuộc khối kiến thức theo khối ngành</b>	<b>3</b>				
<b>QH-2022-I/CQ-C-CLC</b>	INT2210	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật*	4	45	15		INT1008
	INT2212	Kiến trúc máy tính*	4	60			INT1007
	INT2211	Cơ sở dữ liệu	4	45	15		INT1008
	INT2204	Lập trình hướng đối tượng	3	30	15		INT1008
	FLF1107	Tiếng Anh B1	5	20	35	20	
		<b>3 tín chỉ tự chọn thuộc khối kiến thức theo khối ngành</b>	<b>3</b>				
<b>QH-2022-I/CQ-J</b>	JAP4023	Tiếng Nhật 2A	4	16	40	4	JAP4021 JAP4022
	INT2210	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	4	45	15		INT1008
	INT2212	Kiến trúc máy tính	4	60			INT1007

Tư vấn	Lớp học phần	Tên học phần	TC	LT	Th H	TH	Mã học phần tiên quyết
	INT2211	Cơ sở dữ liệu	4	45	15		INT1008
	INT2204	Lập trình hướng đối tượng	3	30	15		INT1008
		<b>3 tín chỉ tự chọn thuộc khối kiến thức theo khối ngành</b>	<b>3</b>				
<b>QH-2022-I/CQ-K</b>	INT2210	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	4	45	15		INT1008
	ELT2041	Điện tử số	3	45			
	ELT2041	Điện tử số	3	45			
	INT2291	Nhập môn công nghệ phần mềm	3	30	15		INT1008
	ELT2035	Tín hiệu và hệ thống	3	45			MAT1042
		<b>3 tín chỉ tự chọn thuộc khối kiến thức theo khối ngành</b>	<b>3</b>				
<b>QH-2022-I/CQ-R</b>		<b>2 tín chỉ tự chọn thuộc các học phần bổ trợ</b>	<b>2</b>				
	ELT2035	Tín hiệu và hệ thống	3	45			MAT1041
	RBE2001	Vẽ kỹ thuật	2	15	15		
	ELT2201	Nguyên lý Kỹ thuật điện tử	3	45			EPN1096
	ELT3134	Thực tập Kỹ thuật điện tử	2		30		ELT2201
	RBE2021	Thực hành Thiết kế và xây dựng Robot 1	2		30		RBE1001
	FLF1107	Tiếng Anh B1	5	20	35	20	FLF1107
<b>QH-2022-I/CQ-V</b>		<b>3 tín chỉ tự chọn thuộc các học phần bổ trợ</b>	<b>3</b>				
	HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	20	10		
	EPN2055	Điện và Quang	3	32	10	3	EPN2054
	PHY1104	Thực hành Vật lý đại cương	2	2	20	8	EPN2054
	EMA2050	Xác suất thống kê ứng dụng	3	30	15		MAT1093
	EPN2015	Vật lý lượng tử	3	45			EPN2054 EPN2055 EPN2023
<b>QH-2022-I/CQ-E</b>		<b>2 tín chỉ tự chọn thuộc các học phần bổ trợ</b>	<b>2</b>				
	FLF1107	Tiếng Anh B1	5	20	35	20	
	EPN2055	Điện và Quang	3	32	10	3	EPN2054
	PHY1104	Thực hành Vật lý đại cương	2	2	20	8	EPN2054
	EET2001	Hóa học hữu cơ	3	40		5	
	EMA2041	Phương trình vi phân và đạo hàm riêng	4	45	15		MAT1093
	EMA2032	Hình họa kỹ thuật và CAD	2	15	15		MAT1093 MAT1042
<b>QH-2022-I/CQ-H</b>	EMA2050	Xác suất thống kê ứng dụng	3	30	15		MAT1093 MAT1042
	EMA2011	Phương pháp tính trong kỹ thuật	3	30	15		INT1008 MAT1093 MAT1042
	EMA2036	Cơ học kỹ thuật 1	3	30	15		MAT1093 MAT1042

Tư vấn	Lớp học phần	Tên học phần	TC	LT	Th H	TH	Mã học phần tiên quyết
	EMA2006	Matlab và ứng dụng	3	30	15		INT1008 MAT1093 MAT1042
	EMA2032	Hình hoạ kỹ thuật và CAD	2	15	15		MAT1093 MAT1042
		<b>2 tín chỉ tự chọn thuộc các học phần bổ trợ</b>	<b>2</b>				
<b>QH-2022-I/CQ-XD</b>	PHI1006	Triết học Mác – Lênin	3	30	15		
	HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	20	10		
	EMA2004	Cơ học môi trường liên tục	4	45	15		MAT1093 MAT1095 EPN1095 EPN1096 CTE2017
	CTE2007	Hình họa – họa hình	2	25	5		
	CTE3005	Trắc địa	3	35	10		MAT1093 CTE2017 CTE2010
<b>QH-2022-I/CQ-AT</b>	FLF1107	Tiếng Anh B1	5	20	35	20	
	EMA2011	Phương pháp tính trong kỹ thuật	3	30	15		INT1008 MAT1093 MAT1042
	EMA2036	Cơ học kỹ thuật 1	3	30	15		MAT1093 MAT1042
	EMA2006	Matlab và ứng dụng	3	30	15		INT1008 MAT1093 MAT1042
	EMA2050	Xác suất thống kê ứng dụng	3	30	15		MAT1093 MAT1042
	EMA2026	Cơ sở kỹ thuật điện	2	22	8		EPN1096
<b>QH-2022-I/CQ-AG</b>	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30			
	ELT2035	Tín hiệu và hệ thống	3	45			MAT1093
	AGT2004	Hóa phân tích ứng dụng trong nông nghiệp	3	40	5		
	AGT2005	Trồng trọt đại cương	3	40	5		AGT2002
	EMA2005	Kỹ thuật điện và điện tử	3	35	10		EMA2005
	FLF1107	Tiếng Anh B1	5	20	35	20	FLF1107
<b>QH-2022-I/CQ-AE</b>	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30			
	AER2005	Cơ học kỹ thuật cho Công nghệ Hàng không Vũ trụ	4	60			MAT1093 MAT1042
	EMA2011	Phương pháp tính trong kỹ thuật	3	30	15		MAT1093 MAT1042
	EMA2041	Phương trình vi phân và đạo hàm riêng	4	45	15		MAT1093
	AER2002	Cơ học chất lỏng	4	45	15		

Tư vấn	Lớp học phần	Tên học phần	TC	LT	Th H	TH	Mã học phần tiên quyết
		<b>3 tín chỉ tự chọn thuộc khối kiến thức theo khối ngành</b>	<b>3</b>				
<b>QH-2022-I/CQ-AI (Lớp tiến trình tích cực)</b>	AIT2002	Cơ sở hệ thống máy tính	3	30	15		
	INT2211	Cơ sở dữ liệu	4	45	15		INT1008
	AIT2004	Cơ sở trí tuệ nhân tạo	3	30	15+		AIT1001 INT2210
	INT3405	Học máy	3	30	15+		MAT1101 INT2210
	AIT2001	Mô hình hóa và tối ưu hóa trong Học máy	3	30	15+		MAT1093 MAT1041
	AIT3005*	Seminar khoa học	3	30	15+ +		
<b>QH-2022-I/CQ-AI</b>	AIT2003	Lập trình xử lý dữ liệu với Python	3	30	15		
	MAT1101#	Xác suất thống kê	3	30	15		MAT1041
	ELT2035	Tín hiệu và hệ thống	3	45			MAT1042
	AIT2002	Cơ sở hệ thống máy tính	3	30	15		
	INT2211	Cơ sở dữ liệu	4	45	15		INT1008
	FLF1107	Tiếng Anh B1	5	20	35	20	
<b>QH-2022-I/CQ-CA-CLC</b>	FLF1107	Tiếng Anh B1	5	20	35	20	
	INT2211E	Cơ sở dữ liệu	4	45	15		INT1008
	INT2210	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	4	45	15		INT1008
	INT2212E	Kiến trúc máy tính	4	60			INT1007
	INT2204	Lập trình hướng đối tượng	3	30	15		INT1008
		<b>3 tín chỉ tự chọn thuộc khối kiến thức theo khối ngành</b>	<b>3</b>				
<b>QH-2022-I/CQ-N-CLC</b>	FLF1107	Tiếng Anh B1	5	20	35	20	
	INT2211E	Cơ sở dữ liệu	4	45	15		INT1008
	INT2210	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	4	45	15		INT1008
	INT2212E	Kiến trúc máy tính	4	60			INT1007
	INT2204	Lập trình hướng đối tượng	3	30	15		INT1008
		<b>3 tín chỉ tự chọn thuộc khối kiến thức theo khối ngành</b>	<b>3</b>				
<b>QH-2022-I/CQ-T-CLC</b>	FLF1107	Tiếng Anh B1	5	20	35	20	
	INT2211E	Cơ sở dữ liệu	4	45	15		INT1008
	INT2210	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	4	45	15		INT1008
	INT2212E	Kiến trúc máy tính	4	60			INT1007
	INT2204	Lập trình hướng đối tượng	3	30	15		INT1008
		<b>3 tín chỉ tự chọn thuộc khối kiến thức theo khối ngành</b>	<b>3</b>				
<b>QH-2022-I/CQ-M-CLC</b>	EMA2050	Xác suất thống kê ứng dụng	3	30	15		MAT1093 MAT1042
	EMA2036	Cơ học kỹ thuật 1	3	30	15		MAT1093 MAT1042
	EMA2006E	Matlab và ứng dụng	3	30	15		INT1008 MAT1093 MAT1042
	EMA2032	Hình họa kỹ thuật và CAD	2	15	15		MAT1093 MAT1042

Tư vấn	Lớp học phần	Tên học phần	TC	LT	Th H	TH	Mã học phần tiên quyết
	EMA2026	Cơ sở kỹ thuật điện	2	22	8		EPN1096
	FLF1107	Tiếng Anh B1	5	20	35	20	
<b>QH-2022-I/CQ-ĐA-CLC</b>	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	20	10		
	FLF1107	Tiếng Anh B1	5	20	35	20	
	ELT2030	Kỹ thuật điện	3	45			EPN1096
	ELT2035	Tín hiệu và hệ thống	3	45			MAT1041
	INT2210	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	4	45	15		INT1008
	UET1002	Kỹ năng khởi nghiệp	2	30			
		<b>3 tín chỉ tự chọn thuộc khối kiến thức theo khối ngành</b>	<b>3</b>				
<b>QH-2021-I/CQ-C</b>	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	20	10		
	INT3306	Phát triển ứng dụng Web	3	30	15		INT2204 INT2211
	INT3401	Trí tuệ nhân tạo	3	45			INT2210
		<b>3 tín chỉ tự chọn thuộc khối kiến thức theo khối ngành</b>	<b>3</b>				
		<b>Lựa chọn 6 tín chỉ tự chọn thuộc khối kiến thức ngành</b>	<b>6</b>				
<b>QH-2021-I/CQ-C-CLC</b>	INT3306	Phát triển ứng dụng Web	3	30	15		INT2204 INT2211
	INT3401	Trí tuệ nhân tạo	3	45			INT2210
		<b>3 tín chỉ tự chọn thuộc khối kiến thức theo khối ngành</b>	<b>3</b>				
		<b>3 tín chỉ tự chọn thuộc khối kiến thức ngành</b>	<b>3</b>				
		<b>Lựa chọn 6 tín chỉ tự chọn thuộc khối kiến thức ngành</b>	<b>6</b>				
<b>QH-2021-I/CQ-J</b>	HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	20	10		
	INT3401	Trí tuệ nhân tạo	3	45			INT2210
	INT3306	Phát triển ứng dụng Web	3	30	15		INT2204 INT2211
	INT3514	Pháp luật và đạo đức nghề nghiệp trong CNTT	2	30			
		<b>3 tín chỉ tự chọn thuộc khối kiến thức theo khối ngành</b>	<b>3</b>				
<b>QH-2021-I/CQ-K</b>	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30			
	ELT3051	Kỹ thuật điều khiển	3	45			ELT2035
	ELT3048	Hệ thống vi xử lý	3	30	15		ELT2030
	INT3217	Lập trình hệ thống	3	36	9		INT2207
	INT2291	Nhập môn công nghệ phần mềm	3	30	15		INT1008
<b>QH-2021-I/CQ-R</b>	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30			
	RBE3011	Mô hình hóa động lực học và điều khiển Robot	2	20	10		RBE2003
	RBE3012	Các cơ cấu chấp hành Robot	3	30	15		
	ELT3281	Vi xử lý và hệ thống nhúng	3	30	15		ELT2035
	ELT3144	Xử lý tín hiệu số	4	45	15		MAT1093
	RBE3001	Cơ lý thuyết	2	30			EPN1095
<b>QH-2021-I/CQ-V</b>	EPN2002	Kỹ thuật hóa học và ứng dụng	3	36	9		EPN2055

Tư vấn	Lớp học phần	Tên học phần	TC	LT	Th H	TH	Mã học phần tiên quyết
	EPN2027	Tin học vật lý	3	30	15		INT1008
	EPN2004	Mô hình hóa và mô phỏng trong vật lý	3	22	23		INT1008 EPN2023
	EPN2025	Kỹ thuật màng mỏng và công nghệ nano	3	30	15		EPN2029
	EPN2014	Vật lý bán dẫn và linh kiện	2	30			EPN2029
	EPN2051	Seminar và thảo luận nhóm về công nghệ nano và ứng dụng	2	24	6		
<b>QH-2021-I/CQ-E</b>	EET2001	Hóa học hữu cơ	3	40		5	
	EMA2004	Cơ học môi trường liên tục	4	45	15		EPN2055 MAT1093 MAT1042
	EET2004	Nguyên lý biến đổi năng lượng	3	30			EMA2038
	EET2010	Kỹ thuật lạnh và điều hòa không khí	3	30	15		EMA2038
	EET2013	Năng lượng tái tạo	3	35	5	5	EET2003
	EMA2036	Cơ học kỹ thuật 1	3	30			MAT1093 MAT1042
<b>QH-2021-I/CQ-H</b>	HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	20	10		
	EMA2013	Lý thuyết điều khiển tự động	3	30	15		MAT1093 MAT1042 EMA2005
	EMA2012	Sức bền vật liệu và cơ học kết cấu	4	45	15		EMA2037
	EMA2008	Cơ học chất lỏng	3	30	15		MAT1041 MAT1042 EMA2041
	EMA2035	Kỹ thuật mô hình - mô phỏng	3	30	15		INT1008 EMA2037 EMA2006
	EMA2045	Lý thuyết cắt gọt kim loại	2	30			
<b>QH-2021-I/CQ-XD</b>	CTE2011	Vật liệu xây dựng	3	35	10		
	CTE3002	Thủy văn	2	25	5		EMA2004 CTE2019
	CTE3005	Trắc địa	3	35	10		MAT1093 CTE2017 CTE2010
	CTE3006	Địa chất công trình	2	25	5		CTE3001 CTE2010 CTE3005
	CTE3051	Tin học xây dựng	3	35	10		INT1008 CTE2021
	CTE3008	Thiết bị máy trong xây dựng – giao thông	2	25	5		CTE2017
		<b>Lựa chọn 2 tín chỉ tự chọn thuộc khối học phần bổ trợ</b>	<b>2</b>				
<b>QH-2021-I/CQ-AT</b>	INT2013	Kiến trúc máy tính và mạng truyền thông công nghiệp	3	30	15		INT1008 EMA2013

Tư vấn	Lớp học phần	Tên học phần	TC	LT	Th H	TH	Mã học phần tiên quyết
	EMA2022	Cơ sở công nghệ chế tạo máy	3	30	15		EMA2012 EMA2032 EMA2033
	EMA2024	Kỹ thuật đo lường và cảm biến	3	30	15		EMA2021
	EMA2040	Máy CNC và CAD/CAM	2	18	12		EMA2032
	EMA2044	Nhập môn Tự động hóa	3	30	15		
	UET1002	Kỹ năng khởi nghiệp	2	30			
<b>QH-2021-I/CQ-AG</b>	UET1002	Kỹ năng khởi nghiệp	2	30			
	HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	20	10		
	AGT3013	Hệ sinh thái nông nghiệp và nông nghiệp bền vững	3	45			
		<b>Lựa chọn 3 tín chỉ tự chọn thuộc khối học phần bổ trợ</b>	3				
		<b>6 tín chỉ tự chọn thuộc khối kiến thức theo nhóm ngành</b>	6				
<b>QH-2021-I/CQ-AE</b>	EMA2041	Phương trình vi phân và đạo hàm riêng	4	45	15		MAT1093
	AER2006	Hình hoạ kỹ thuật và CAD	3	30	15		MAT1093 MAT1042
	INT2215	Lập trình nâng cao	4	45	15		INT1008
	EMA2038	Nhiệt động lực học kỹ thuật	3	35	10		
	AER3051	Lý thuyết điều khiển tự động	3	45			
	AER3001	Kết cấu hàng không	3	45			
<b>QH-2021-I/CQ-CA-CLC</b>	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	20	10		
	INT2044E	Lý thuyết thông tin	3	45			MAT1101
	UET1002	Kỹ năng khởi nghiệp	2	30			
		<b>Lựa chọn 9 tín chỉ thuộc khối kiến thức ngành</b>	9				
<b>QH-2021-I/CQ-T-CLC</b>	INT3306E	Phát triển ứng dụng Web	3	30	15		MAT1041
	INT3201E	Cơ sở các hệ thống thông tin	4	60			INT2211
	INT3514	Pháp luật và đạo đức nghề nghiệp trong CNTT	2	30			
	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	20	10		
		<b>Lựa chọn 7 tín chỉ tự chọn thuộc khối kiến thức ngành</b>	7				
<b>QH-2021-I/CQ-N-CLC</b>	INT2044E	Lý thuyết thông tin	3	45			MAT1101
	INT2214	Nguyên lý hệ điều hành	4	60			
	INT3303	Mạng không dây	3	45			INT2213
	INT3307E	An toàn và an ninh mạng	3	45			INT2213
	INT3310	Quản trị mạng	3	45			INT2213
	INT3306	Phát triển ứng dụng Web	3	30	15		INT2204E, INT2211E
		<b>Lựa chọn 3 tín chỉ tự chọn thuộc khối kiến thức ngành</b>	3				
<b>QH-2021-I/CQ-M-CLC</b>	HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	20	10		
	EMA2033	Cơ sở thiết kế máy	4	40	20		INT1007 INT1008



Tư vấn	Lớp học phần	Tên học phần	TC	LT	Th H	TH	Mã học phần tiên quyết
	EMA2022E	Cơ sở công nghệ chế tạo máy	3	30	15		EMA2012 EMA2019E EMA2032 EMA2033
	EMA2024E	Kỹ thuật đo lường và cảm biến	3	30	15		EMA2021E
	INT2013	Kiến trúc máy tính và mạng truyền thông công nghiệp	3	30	15		INT1008 EMA2021E
<b>QH-2021-I/CQ-ĐA-CLC</b>	HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	20	10		
	ELT2031E	Mô hình hóa và mô phỏng	2	20			
	ELT3102	Thực tập điện tử tương tự	2		30		ELT2040
	ELT3103	Thực tập điện tử số	2		30		ELT2041E
	ELT3057	Truyền thông số và mã hóa	3	45			ELT3043
	ELT3047E	Kiến trúc máy tính	3	45			INT1008
<b>QH-2020-I/CQ-C</b>		<b>6 tín chỉ tự chọn thuộc khối kiến thức ngành theo định hướng chuyên sâu</b>	<b>6</b>				
	INT3507	Các vấn đề hiện đại Công nghệ thông tin	3	45			INT1007
<b>QH-2020-I/CQ-C-CLC</b>		<b>Lựa chọn 12 tín chỉ tự chọn thuộc khối kiến thức ngành</b>	<b>12</b>				
	INT3507	Các vấn đề hiện đại Công nghệ thông tin	3	45			INT1007
		<b>Lựa chọn 3 tín chỉ tự chọn thuộc khối kiến thức ngành</b>	<b>3</b>				
<b>QH-2020-I/CQ-J</b>		<b>Lựa chọn 12 tín chỉ tự chọn thuộc khối kiến thức ngành</b>	<b>12</b>				
	INT3510	Chuẩn kỹ năng của CNTT	2	10		20	
	INT3138	Chuyên đề Công nghệ Nhật Bản	3	30	15		INT1008
	INT3139	Thực hành phát triển phần mềm (*)	3	6	39		INT1008
<b>QH-2020-I/CQ-K</b>		<b>Lựa chọn 6 tín chỉ thuộc khối kiến thức ngành</b>	<b>6</b>				
	HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	20	10		
	ELT3241	Các vấn đề hiện đại của Kỹ thuật Máy tính	2	15		15	
	INT2214	Nguyên lý hệ điều hành	4	60			INT1008
	UET1002	Kỹ năng khởi nghiệp	2	30			
<b>QH-2020-I/CQ-R</b>		<b>9 tín chỉ tự chọn thuộc khối kiến thức ngành</b>	<b>9</b>				
	INT3401	Trí tuệ nhân tạo	3	45			INT2210
	RBE3015	Xử lý ảnh và thị giác Robot	3	30	15		
	RBE3016	Thiết kế kiểu dáng công nghiệp	3	30	15		
	RBE3022	Đồ án 2: Thiết kế và xây dựng Robot 2	2		30		RBE2022
		<b>Lựa chọn 6 tín chỉ tự chọn thuộc khối kiến thức ngành</b>	<b>6</b>				

Tư vấn	Lớp học phần	Tên học phần	TC	LT	Th H	TH	Mã học phần tiên quyết
<b>QH-2020-I/CQ-V</b>		<b>Học phần thuộc khối kiến thức định hướng chuyên sâu</b>	<b>17</b>				
<b>QH-2020-I/CQ-E</b>	EET2008	Thực hành công nghiệp kỹ thuật năng lượng	2	5	25		EET2007
	EET2011	Cơ sở quản lý năng lượng	2	30			
	EET2016	Lựa chọn năng lượng bền vững	2	30			EET2003
	EMA2032	Hình họa kỹ thuật và CAD	2	15	15		MAT1093 MAT1042
		<b>Lựa chọn 2 tín chỉ tự chọn thuộc khối học phần bổ trợ</b>	<b>2</b>				
		<b>6 tín chỉ bắt buộc thuộc khối kiến thức định hướng chuyên sâu</b>	<b>6</b>				
<b>QH-2020-I/CQ-H</b>		<b>Các học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức định hướng chuyên sâu</b>	<b>18</b>				
<b>QH-2020-I/CQ-XD</b>	CTE3018	Thiết kế nhà bê tông cốt thép	2	20	10		
	CTE3020	Động lực học công trình	3	30	15		CTE4001
	CTE3021	Thiết kế các công trình đặc biệt	2	20	10		CTE4008
	CTE3009	An toàn lao động	2	25	5		CTE3008
	CTE4008	Đồ án 3: Kết cấu bê tông cốt thép	2	10	20		CTE3003, CTE3046
	CTE3047	Quản lý dự án và rủi ro	2	25	5		CTE2003
		<b>4 tín chỉ tự chọn thuộc khối kiến thức định hướng chuyên sâu</b>	<b>4</b>				
<b>QH-2020-I/CQ-AT</b>		<b>Học phần bắt buộc thuộc Khối kiến thức định hướng chuyên sâu</b>	<b>11</b>				
		<b>Các học phần tự chọn thuộc Khối kiến thức định hướng chuyên sâu</b>	<b>4</b>				
<b>QH-2020-I/CQ-AG</b>	AGT4001	Dự án Công nghệ Nông nghiệp	2	10	10	10	
	AGT4003	Rèn nghề Công nghệ Nông nghiệp	3		45		
		<b>Học phần bắt buộc theo định hướng chuyên sâu</b>	<b>9</b>				
<b>QH-2020-I/CQ-AE</b>		<b>Học phần tự chọn thuộc khối kiến thức định hướng chuyên sâu</b>	<b>18</b>				
<b>QH-2020-I/CQ-CA-CLC</b>	UET1002	Kỹ năng khởi nghiệp	2	30			
		<b>Lựa chọn 12 tín chỉ thuộc khối kiến thức ngành</b>	<b>12</b>				
		<b>Lựa chọn 3 tín chỉ tự chọn thuộc khối học phần bổ trợ</b>	<b>3</b>				
<b>QH-2020-I/CQ-T-CLC</b>	INT3225E	Thông minh kinh doanh	4	30	30		INT2211, INT3201E
	INT2045E	Quản lý dự án HTTT	4	30	30		INT2020E


<b>Tư vấn</b>	<b>Lớp học phần</b>	<b>Tên học phần</b>	<b>TC</b>	<b>LT</b>	<b>Th H</b>	<b>TH</b>	<b>Mã học phần tiên quyết</b>
		<b>Lựa chọn 8 tín chỉ tự chọn thuộc khối kiến ngành</b>	<b>8</b>				
<b>QH-2020-I/CQ-M-CLC</b>		<b>Học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức định hướng chuyên sâu</b>	<b>8</b>				
		<b>Học phần tự chọn thuộc khối kiến thức định hướng chuyên sâu</b>	<b>8</b>				
<b>QH-2020-I/CQ-ĐA-CLC</b>	ELT3086	Thực tập chuyên đề	3				
		<b>Lựa chọn 2 tín chỉ tự chọn thuộc khối học phần bổ trợ</b>	<b>2</b>				
		<b>Học phần tự chọn thuộc khối kiến thức ngành tự chọn</b>	<b>12</b>				
<b>QH-2019-I/CQ-N</b>	<b>INT4055</b>	<b>Đồ án tốt nghiệp</b>	<b>10</b>				
<b>QH-2019-I/CQ-K</b>	<b>ELT4068</b>	<b>Đồ án tốt nghiệp</b>	<b>10</b>			<b>150</b>	
<b>QH-2019-I/CQ-R</b>	<b>RBE4001</b>	<b>Đồ án tốt nghiệp</b>	<b>10</b>			<b>150</b>	
<b>QH-2019-I/CQ-E</b>	<b>EET4000</b>	<b>Đồ án tốt nghiệp</b>	<b>10</b>				
<b>QH-2019-I/CQ-H</b>	<b>EMA4050</b>	<b>Đồ án tốt nghiệp</b>	<b>10</b>				
<b>QH-2019-I/CQ-XD</b>	<b>CTE4050</b>	<b>Đồ án tốt nghiệp kỹ sư</b>	<b>10</b>	<b>30</b>	<b>120</b>		<b>CTE4009 CTE4010</b>
<b>QH-2019-I/CQ-AE</b>	AER4002	Thực tập tốt nghiệp	3			45	
	<b>AER4050</b>	<b>Đồ án tốt nghiệp</b>	<b>10</b>			<b>150</b>	
<b>QH-2019-I/CQ-AG</b>	<b>AGT4000</b>	<b>Đồ án tốt nghiệp</b>	<b>10</b>			<b>150</b>	
<b>QH-2019-I/CQ-AT</b>	EMA4006	Thực tập tốt nghiệp định hướng Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	3		45		
	EMA4050	Đồ án tốt nghiệp	10			150	

# HƯỚNG DẪN ĐĂNG KÝ HỌC TRỰC TUYẾN

Sử dụng tốt nhất trên trình duyệt Internet Explorer 6.0 trở lên

## 1. Truy cập

- Vào địa chỉ: <http://daotao.vnu.edu.vn/>
- Màn hình đăng nhập xuất hiện

**VNU**  
ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
Vietnam National University, Hanoi

CÔNG THÔNG TIN ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

**HƯỚNG DẪN ĐĂNG KÝ HỌC:**

- Trường Đại học Khoa học Tự nhiên - từ 2014-08-28 12:00:00 đến 2014-09-21 00:00:00
- Trường Đại học Ngoại ngữ - từ 2014-08-11 12:00:00 đến 2014-09-10 00:00:00
- Khoa Quốc tế - từ 2014-08-12 12:00:00 đến 2014-09-27 23:59:00
- Khoa Luật - QH-2011-L từ 2014-08-11 00:00:00 đến 2014-08-18 00:00:00
- Khoa Luật - QH-2012-L từ 2014-08-11 00:00:00 đến 2014-08-18 00:00:00
- Khoa Luật - QH-2013-L từ 2014-08-11 00:00:00 đến 2014-09-10 00:00:00

**THÔNG BÁO**

- Sinh viên đã tắt nghẽn truy cập theo địa chỉ <http://vnuonline.daotao.vnu.edu.vn>
- Sinh viên (đăng ký) học tại địa chỉ <http://vnuonline.daotao.vnu.edu.vn>

**HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG**

- Hướng dẫn lấy tài khoản
- Hướng dẫn đăng ký môn học của trường khác & các môn Sẵn - Lẻ
- Hướng dẫn đăng ký môn học của trường mình
- Hướng dẫn khai báo thông tin sinh viên
- Cần bộ quản lý: Nhấn vào đây để tải tài liệu hướng dẫn duyệt hồ sơ sinh viên về máy

**ĐĂNG NHẬP**

Tên truy cập

Mật khẩu

Đăng nhập để  
Đăng ký môn học

Quên mật khẩu?

Đăng nhập

Số người đang online: **237** Công thông tin đào tạo ĐHQG Hà Nội - Phát triển bởi Trung tâm Ứng dụng CNTT  
144 đường Xuân Thủy, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam  
webmaster: support@vnu.edu.vn

- Sinh viên đăng nhập vào **Cổng thông tin đào tạo đại học** bằng cách nhập tên người dùng và mật khẩu vào khung “đăng nhập”, sau đó nhấn nút “**Enter**” (hoặc click vào nút “**Đăng nhập**”)

**Lưu ý: đối với sinh viên đăng nhập lần đầu**

- Tên truy cập** là: Mã số sinh viên
- Mật khẩu đăng nhập** là: Mã số sinh viên


**Ví dụ:**

- Khi sinh viên có MSSV là **09020413**, thì đăng nhập với tài khoản như sau:

**Tên truy cập: 09020413**

**Mật khẩu đăng nhập: 09020413**

Nếu sinh viên nhập chính xác tên người dùng và mật khẩu thì màn hình hệ thống sẽ xuất hiện như sau:

**VNU**  
ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
Vietnam National University, Hanoi

CÔNG THÔNG TIN ĐÀO TẠO  
DÀNH CHO SINH VIÊN

Xin chào bạn: **Trần Lê Quỳnh** [18021070]

Chọn học kỳ: **Mã HK 181 - Học kỳ 1 năm 2018-2019** Xem thông báo Đổi mật khẩu Thoát

**HƯỚNG DẪN**  
**THÔNG BÁO**

**Hướng dẫn**

- Cập nhật hồ sơ sinh viên
- Kết quả đăng ký học
- Đăng ký môn học
  - (Video) Bài giảng môn Tin học cơ sở
  - Kỹ năng học tập hiệu quả ở bậc đại học
  - (Video) Hướng dẫn đăng ký học bổng
  - (Video/Ảnh) Lễ trao học bổng Yamada 2018
- Kết quả học tập
- Lịch thi
- Đề cương môn học
- Danh sách biểu mẫu
- Gửi yêu cầu trợ giúp
- Tài khoản truy cập Email

**Cổng đăng ký học**

- <http://daotao.vnu.edu.vn>

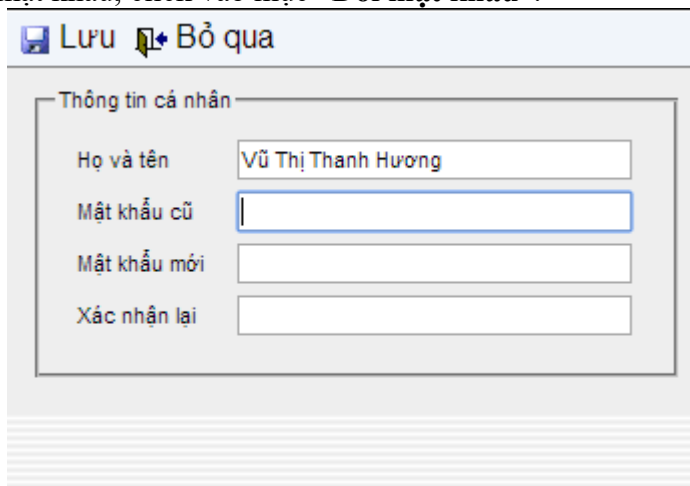
**Cổng thông tin dành cho sinh viên đã tốt nghiệp**

- <http://sytothongtin.daotao.vnu.edu.vn>

Số người đang online: **136** Công thông tin đào tạo ĐHQG Hà Nội - Phát triển bởi Trung tâm Ứng dụng CNTT @2011 - 2018  
144 đường Xuân Thủy, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam  
Webmaster: support@vnu.edu.vn

## 2. Đổi mật khẩu

Nếu muốn đổi mật khẩu, click vào mục “**Đổi mật khẩu**”:

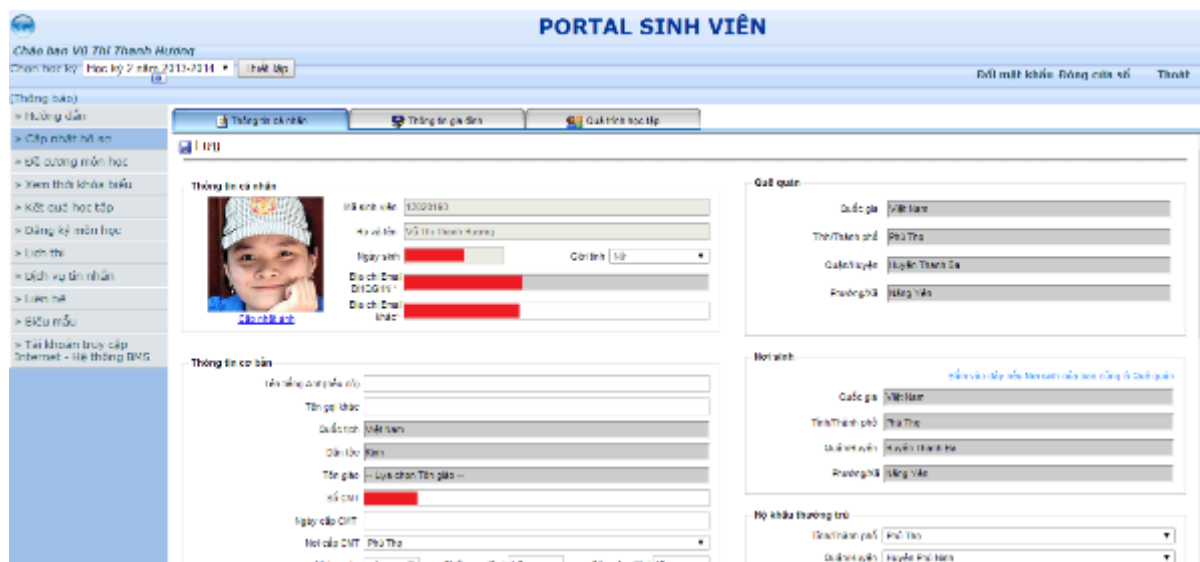


- Nhập mật khẩu cũ vào ô “**Mật khẩu cũ**”
- Nhập mật khẩu mới vào ô “**Mật khẩu mới**” (tối thiểu 6 ký tự).
- Nhập lại mật khẩu mới một lần nữa vào ô “**Xác nhận lại**”.
- Nhấn chuột vào “**Lưu**” nếu muốn đổi mật khẩu, ngược lại nhấn chuột vào nút “**Bỏ qua**”
- Nếu mật khẩu hợp lệ hệ thống sẽ thông báo “**Đã đổi mật khẩu xong**”

**Lưu ý:** Sinh viên sau khi đã đổi mật khẩu phải tự bảo mật và chịu trách nhiệm về mật khẩu của mình.

## 3. Kiểm tra thông tin cá nhân

- Nhấn chuột vào mục “**Cập nhật hồ sơ**”
- Màn hình thông tin sinh viên xuất hiện



- Kiểm tra thông tin cá nhân
- Nếu có sai sót sinh viên phải gửi ngay đơn yêu cầu bổ sung, sửa chữa về phòng Đào tạo của Trường.

## 4. Đăng ký học phần

- Bước 1:** Sinh viên truy cập địa chỉ <http://www.dangkyhoc.vnu.edu.vn> “**Đăng ký môn học**”. Sau đó nhấn nút “**Bắt đầu đăng ký**”->”**Bắt đầu**”, trang web đăng ký học phần hiển thị như hình dưới đây

**Lưu ý:** đối với sinh viên đăng nhập lần đầu

- Tên truy cập là: Mã số sinh viên
- Mật khẩu đăng nhập là: Mã số sinh viên

#### ĐĂNG ĐĂNG KÝ HỌC

- Trường Đại học Công nghệ - từ 2014-06-06 12:00:00 đến 2014-08-21 00:00:00
- Trường Đại học Ngoại ngữ - từ 2014-08-11 12:00:00 đến 2014-08-18 00:00:00
- Khoa Luật - Q.1-2014-11-22 00:00 đến 2014-08-18 00:00:00
- Khoa Luật - Q.1-2014-11-22 00:00 đến 2014-08-18 00:00:00
- Khoa Luật - Q.1-2014-11-22 00:00 đến 2014-08-18 00:00:00

#### THÔNG BÁO

- Sinh viên đã tốt nghiệp truy cập theo địa chỉ: <http://hcsinhvien.vnu.edu.vn>

#### Đăng nhập hệ thống

Tên truy cập

Mật khẩu

Quên mật khẩu?



[Đăng nhập](#)

Đang online: 80/2038/2014 Trung tâm ứng dụng CNTT - VNU  
 145

[Trang chủ VNU](#)
[Trang chủ CNTT](#)

Sinh viên đăng nhập vào **Cổng thông tin đào tạo đại học** bằng cách nhập tên người dùng và mật khẩu vào khung “đăng nhập”, sau đó nhấn nút “**Enter**” (hoặc click vào nút “**Đăng nhập**”)

Sau khi đăng nhập thành công, màn hình hiển thị như dưới đây


**VNU**

**CỔNG THÔNG TIN ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC**  
 VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY - HANOI

Chào mừng: **Vũ Thị Thanh Hương**

[Trang chủ](#)

[Đăng ký môn học](#)


#### THÔNG BÁO – HƯỚNG DẪN

Trường Đại học Công nghệ

Đang online: 80/2038/2014 Trung tâm ứng dụng CNTT - VNU  
 144  
(the request was rendered at: 01/08/2014 11:33:42 AM on 128.88.11.102)

[Trang chủ VNU](#)
[Trang chủ CNTT](#)

Sau khi chọn mục **Đăng ký học phần** ở menu bên trái, màn hình hiển thị như dưới đây:


**VNU**  
 ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
 Viet Nam National University, Hanoi

**CÔNG THÔNG TIN ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC**

Chào mừng: Nguyễn Sơn Hà

Trang chủ  
 Đăng ký môn học  
 Đăng ký học ngành 1

**Đăng ký học ngành 1 - Học kỳ 1 năm học 2014-2015**

Bạn được đăng ký trong khoảng tin chỉ: [0, 40]

**Đăng ký học ngành 1 - Học kỳ 1 năm học 2014-2015**

Môn học theo ngành

Chọn	Môn học	TC	Điểm	Lớp môn học	Tổng SV	Dù ĐK	Giáo viên	Học phí	Lịch học	Ngày ĐK
<input type="checkbox"/>	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3		HS1002-AC	100	0			T2 (6-8)-600	
<input type="checkbox"/>	Giáo dục thể chất 2	2		PE81002-AC	100	0			T3 (1-4)	
<input type="checkbox"/>	Kế toán hành chính sự nghiệp	2		HS83005-AC	100	0	GV.C.Thế Bình Thị Minh Hạnh		T5 (1-4)-600	
<input type="checkbox"/>	Kế toán ngân hàng thương mại	2		HS83101-AC	100	0	GV.C.BH.Chu Văn Hùng		T6 (6-8)-600	
<input type="checkbox"/>	Kế toán quốc tế	2		HS83017-AC	100	0	GV.C.BH.Chu Văn Hùng		T6 (1-4)-600	
<input type="checkbox"/>	Kiểm toán căn bản	3	3.7	HS83012-AC	100	0	GV.C.TS Phạm Thị Lan Anh		T7 (1-4)-800	

**Danh sách môn học đã đăng ký hoặc đã chọn**

STT	Môn học	TC	Lớp MH	Giáo viên	Lịch học	Có lấy điểm cho ngành 1	Có lấy điểm cho ngành 2	Điều ĐK	Hủy
Bạn chưa đăng ký môn học nào!									

Tổng số tín chỉ đã đăng ký: [2]
 Tổng số môn học đã đăng ký: [1]

Đăng online: 08
 © 2009-2014 Trung tâm ứng dụng CNTT - VNU
 The request was rendered at 0:12:29.4 3:31:28 PM on 24/05/2014
 Trang chủ VNU
 Trang chủ CAIT

### Giải thích về các danh sách học phần trong thời khóa biểu:

- **Danh sách học phần đã đăng ký:** là danh sách những học phần sinh viên đã đăng ký thành công và sẽ học tập của học kỳ hiện tại (danh sách này sẽ trống nếu sinh viên chưa ĐKMH), trong danh sách này sinh viên có thể huỷ học phần đã đăng ký hoặc in kết quả đã đăng ký. Danh sách này nằm ở phía dưới của trang đăng ký học phần.
- **Danh sách học phần theo ngành 1:** Là danh sách những học phần được mở cho ngành học thứ nhất của sinh viên. Sinh viên nên đăng ký học phần trong danh sách này.
- **Danh sách học phần theo ngành 2:** Là danh sách những học phần được mở cho ngành học thứ 2 của sinh viên (nếu có).
- **Danh sách học phần của toàn trường:** là danh sách những học phần được mở của tất cả các ngành đào tạo ở Trường.

### Chọn danh sách học phần để đăng ký:

Sinh viên lựa chọn danh sách học phần theo ngành (*Học phần theo ngành 1*, *Học phần theo ngành*) ở menu bên trái, hoặc lựa chọn *Học phần của toàn trường* ở list box bên phải

để lựa chọn học phần dự kiến đăng ký học.

- b. **Bước 2:** Sau khi lựa chọn danh sách học phần, sinh viên căn cứ vào kết quả học tập của học kỳ trước đó, tiến trình đào tạo, số tín chỉ tối thiểu và tối đa được đăng ký, tài chính và thời gian của cá nhân, sự tư vấn của Trợ lý đào tạo để đăng ký học phần cho phù hợp.

Đăng ký học ngành 1 - Học kỳ 1 năm học 2014-2015								Môn học theo ngành		
Chọn	Môn học	TC	Điểm	Lớp môn học	Tổng SV	Đã BK	Giáo viên	Học phí	Lịch học	Ngày thi
	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3		HIS1002-AC	100	1			T2 (6-8)-506	
	Giáo dục thể chất 2	2		PES1002-AC	100	1			T3 (1-4)	
<input type="checkbox"/>	Kế toán hành chính sự nghiệp	2		INS3005-AC	100	0	GVC.ThS Đinh Thị Minh Hạnh		T5 (1-4)-605	
<input type="checkbox"/>	Kế toán ngân hàng thương mại	2		INS3101-AC	100	0	GVC.BH Châu Văn Hùng		T6 (6-9)-605	
<input type="checkbox"/>	Kế toán quốc tế	2		INS3017-AC	100	0	GVC.BH Châu Văn Hùng		T6 (1-4)-605	
<input type="checkbox"/>	Kiểm toán căn bản	3	3.7	INS3012-AC	100	0	GVC.TS Phạm Thị Lan Anh		T7 (1-4)-607	

Danh sách môn học đã đăng ký hoặc đã chọn									
STT	Môn học	TC	Lớp BH	Giáo viên	Lịch học	Có lấy điểm cho ngành 1	Có lấy điểm cho ngành 2	Kiểu BK	Hủy
1	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3	HIS1002-AC		T2 (6-8)-506	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	Đăng ký lần đầu	<input type="checkbox"/>
2	Giáo dục thể chất 2	2	PES1002-AC		T3 (1-4)	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	Đăng ký lần đầu	<input type="checkbox"/>

Tổng số tin chỉ đã đăng ký: [5]

Tổng số môn học đã đăng ký: [2]

- Nếu bạn muốn chọn môn nào trong danh sách thì nhấn vào ô lựa chọn.
  - Học phần bạn chọn sẽ được đưa vào danh sách các môn để đăng ký ở phía dưới.
- c. **Bước 3:** Xác nhận việc đăng ký của bạn bằng cách nhấn chuột vào nút **“Ghi nhận”**. Bạn phải ghi nhận để lưu lại những môn bạn đã lựa chọn. Nếu bạn không nhấn nút **“Ghi nhận”** thì sự đăng ký học của bạn vẫn chưa hoàn thành.

Đăng ký học ngành 1 - Học kỳ 1 năm học 2014-2015										Môn học theo ngành	^
Chọn	Môn học	TC	Điểm	Lớp môn học	Tổng SV	Đã BK	Giáo viên	Học phí	Lịch học	Ngày thi	
	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3		HIS1002-AC	100	1			T2 (6-8)-605		
	Giáo dục thể chất 2	2		PES1002-AC	100	1			T3 (1-4)		
<input type="checkbox"/>	Kế toán hành chính sự nghiệp	2		INS3005-AC	100	0	GVC, ThS Đinh Thị Minh Hạnh		T5 (1-4)-605		
<input type="checkbox"/>	Kế toán ngân hàng thương mại	2		INS3101-AC	100	0	GVC, BH Châu Văn Hùng		T6 (6-9)-605		
<input type="checkbox"/>	Kế toán quốc tế	2		INS3017-AC	100	0	GVC, BH Châu Văn Hùng		T6 (1-4)-605		
<input type="checkbox"/>	Kiểm toán căn bản	3	3.7	INS3012-AC	100	0	GVC, TS Phạm Thị Lan Anh		T7 (1-4)-607		

Danh sách môn học đã đăng ký hoặc đã chọn									
STT	Môn học	TC	Lớp BH	Giáo viên	Lịch học	Có lấy điểm cho ngành 1	Có lấy điểm cho ngành 2	Kiểu BK	Hủy
1	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3	HIS1002-AC		T2 (6-8)-506	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	Đăng ký lần đầu	<input type="checkbox"/>
2	Giáo dục thể chất 2	2	PES1002-AC		T3 (1-4)	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	Đăng ký lần đầu	<input type="checkbox"/>


Tổng số tin chỉ đã đăng ký: [5]

Tổng số môn học đã đăng ký: [2]

- d. **Bước 4:** Hủy môn đã đăng ký (nếu cần thiết) và In phiếu đăng ký học phần.



- Huỷ một số một học đã đăng ký, hãy nhấn vào dấu  t hiện màn hình thông báo bạn có chắc chắn muốn huỷ học phần đã đăng ký không? Nếu đồng ý nhấn chuột vào nút “**OK**”, ngược lại nhấn vào nút “**Cancel**”.
- Nhấn chuột vào nút “**Xem và in**” khi việc đăng ký đã hoàn thành và chọn máy in để in và ấn nút Print.

In kết quả
Xuất kết quả ra Word

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**KẾT QUẢ ĐĂNG KÝ MÔN HỌC - HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2014-2015**  
Ngày 13 tháng 8 năm 2014

Họ và tên	Nguyễn Sơn Hà	Ngày sinh	11/02/1999	Mã sinh viên	12072012
Chương trình đào tạo	Chương trình Kế toán, phân tích và kiểm toán (Tổng Ng)	Khóa	QH-2011-Q		

STT	Mã môn học	Môn môn học	Số tín chỉ	Trạng thái	Học phí	Lớp môn học	Thứ	Tiết	Giang đường
1	HIS1002-AC	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3	Đang ký lần đầu	0	HIS1002-AC	T3	6 - 8	506
2	PES1002-AC	Giáo dục thể chất 2	2	Đang ký lần đầu	0	PES1002-AC	T3	1 - 4	
		<b>Tổng</b>	<b>5</b>		<b>00</b>				

Tổng số học phí để làm tròn: 00 (đồng)

**SINH VIÊN**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Sơn Hà

Hà Nội, ngày      tháng      năm 2014

**XÁC NHẬN CỦA PHÒNG ĐÀO TẠO**

In kết quả
Xuất kết quả ra Word

## 5. Kết thúc chương trình

Để kết thúc chương trình, nhấn chuột vào nút “**Thoát**”

Việc thoát khỏi chương trình cần được thực hiện đúng quy trình. Tuyệt đối không tắt màn hình hay tắt máy như tắt một thiết bị tiêu thụ điện thông thường.

Phải nhấn vào nút “**Thoát**” cho đến khi hệ thống thông báo là bạn đã thoát ra thành công.

## ĐIỀU KIỆN ĐỂ ĐƯỢC MIỄN HỌC HỌC PHẦN TIẾNG ANH

Sinh viên được miễn học các học phần ngoại ngữ nếu thuộc một trong các đối tượng sau:

a) Đã tham gia kỳ thi đánh giá năng lực ngoại ngữ do Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức và đạt kết quả tương ứng với yêu cầu về chuẩn đầu ra về trình độ ngoại ngữ quy định tại Khoản 3 Điều 12 Quy chế Đào tạo Đại học ở Đại học Quốc gia Hà Nội năm 2015.

b) Có các chứng chỉ quốc tế đạt kết quả tương ứng với yêu cầu về chuẩn đầu ra về trình độ ngoại ngữ theo quy định

### BẢNG THAM CHIẾU KẾT QUẢ CÁC BÀI THI TIẾNG ANH VỚI CÁC CHUẨN CẦN ĐẠT CỦA ĐHQGHN

KNLNNVN	IELTS	TOEFL	Aptis ESOL	Cambridge Exam	Vietnamese Standardized Test of English Proficiency
Bậc 3	4.5	42 iBT	B1	A2 Key: 140 B1 Preliminary: 140 B2 First: 140 B1 Business Preliminary: 140 B2 Business Vantage: 140	VSTEP.3-5 (4.0)
Bậc 4	5.5	72 iBT	B2	B1 Preliminary: 160 B2 First: 160 C1 Advanced: 160 B1 Business Preliminary: 160 B2 Business Vantage: 160 C1 Business Higher: 160	VSTEP.3-5 (6.0)
Bậc 5	7.0	95 iBT	C1	B2 First: 180 C1 Advanced: 180 C2 Proficiency: 180 B2 Business Vantage: 180 C1 Business Higher: 180	VSTEP.3-5 (8.5)

(Các điểm số nêu trên là điểm tối thiểu cần đạt được)

**DANH SÁCH CÁC CƠ SỞ CẤP CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ (TIẾNG ANH) THEO  
KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM**

1. Đại học Thái Nguyên
2. Học viện An ninh Nhân dân
3. Học viện Báo chí và Tuyên truyền
4. Học viện Cảnh sát nhân dân
5. Học viện Khoa học quân sự
6. Đại học Bách khoa Hà Nội
7. Trường Đại học Cần Thơ
8. Trường Đại học Công nghiệp thực phẩm TP HCM
9. Trường Đại học Công nghiệp TP HCM
10. Trường Đại học Hà Nội
11. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – ĐHQG TP HCM
12. Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP HCM
13. Trường Đại học Ngân hàng TP HCM
14. Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng
15. Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội
16. Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế
17. Trường Đại học Ngoại thương
18. Trường Đại học Nam Cần Thơ
19. Trường Đại học Quy Nhơn
20. Trường Đại học Sài Gòn
21. Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
22. Trường Đại học Sư phạm TP HCM
23. Trường Đại học Tây Nguyên
24. Trường Đại học Thương mại
25. Trường Đại học Trà Vinh
26. Trường Đại học Văn Lang
27. Trường Đại học Vinh

*(\*\*) Mẫu chứng chỉ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Thông báo số 691/TB-QLCL ngày 08 tháng 5 năm 2020.*

**BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI MỘT SỐ CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ  
(TIẾNG NHẬT) QUỐC TẾ TƯƠNG ỨNG VỚI YÊU CẦU CHUẨN ĐẦU RA  
VỀ TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ**

Khung NLNNVN	JLPT	NAT-TEST	J-TEST
Bậc 3	N3	3Q	500
Bậc 4	N2	2Q	600
Bậc 5	N1	1Q	700

- Sinh viên có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trước thời điểm xét tốt nghiệp được minh chứng bằng một trong các chứng chỉ ngoại ngữ tương đương.

# MỘT SỐ ĐIỂM CẦN LƯU Ý TRONG QUY CHẾ ĐÀO TẠO

## 1. Thi kết thúc học phần

Sinh viên chỉ được dự thi kết thúc học phần nếu có điểm đánh giá bộ phận lớn hơn 0, trả học phí đầy đủ và đáp ứng các điều kiện kết thúc học phần do Thủ trưởng đơn vị phụ trách học phần quy định.

Cuối mỗi học kỳ, Nhà trường tổ chức một kỳ thi chính. Đối với mỗi học phần, sinh viên chỉ được dự thi một lần trong cùng một kỳ thi.

Kỳ thi phụ chỉ dành cho những sinh viên chưa dự kỳ thi chính vì lý do chính đáng được cơ quan có thẩm quyền xác nhận và được Nhà trường cho phép.

Sinh viên vắng mặt trong buổi thi kết thúc học phần, nếu không có lý do chính đáng phải nhận điểm 0 (không); nếu sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng được thi bổ sung vào kỳ thi phụ.

## 2. Cách tính điểm đánh giá bộ phận, điểm học phần

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), có lẻ đến một chữ số thập phân.
- Điểm học phần là tổng của điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần sau khi đã tính trọng số và được làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.

- Loại đạt:

9,0 – 10 tương ứng với A+	8,5 – 8,9 tương ứng với A
8,0 – 8,4 tương ứng với B+	7,0 – 7,9 tương ứng với B
6,5 – 6,9 tương ứng với C+	5,5 – 6,4 tương ứng với C
5,0 – 5,4 tương ứng với D+	4,0 – 4,9 tương ứng với D

- Loại không đạt: Dưới 4,0 tương ứng với F
- Đối với những học phần chưa đủ cơ sở để đưa vào tính điểm trung bình chung học kỳ, khi xếp mức đánh giá được sử dụng các ký hiệu sau:

I - Chưa đủ điểm đánh giá bộ phận

X - Chưa nhận được kết quả thi kết thúc học phần

## 3. Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy

- Điểm trung bình chung học kỳ là điểm trung bình theo trọng số tín chỉ của các học phần mà sinh viên đăng ký học trong học kỳ đó (bao gồm cả các môn được đánh giá loại đạt và không đạt).
- Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình theo trọng số tín chỉ của các học phần đã được đánh giá loại đạt mà sinh viên đã tích lũy được, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm xem xét.

Sinh viên sẽ được xếp hạng học lực bình thường nếu có điểm trung bình chung tích lũy đạt mức từ 2,00 trở lên. Nếu điểm này dưới 2,00 sinh viên sẽ bị xếp hạng học lực yếu. Trong trường hợp bị xếp hạng học lực yếu sinh viên cần lưu ý lựa chọn thật cẩn thận các học phần sẽ học ở học kỳ tiếp (rút bớt số học phần, chọn học phần dễ, ...) để tránh nguy cơ rơi vào trường hợp bị buộc thôi học.

## 4. Cách tính điểm trung bình chung

- Để tính điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy, mức điểm chữ của mỗi học phần phải được quy đổi qua điểm số như sau:

A+ tương ứng với 4,0;	A tương ứng với 3,7
B+ tương ứng với 3,5;	B tương ứng với 3,0
C+tương ứng với 2,5;	C tương ứng với 2,0
D+ tương ứng với 1,5;	D tương ứng với 1,0
F tương ứng với 0;	

- b. Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức sau và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

trong đó:

**A:** là điểm trung bình chung học kỳ hoặc điểm trung bình chung tích lũy

**i:** là số thứ tự học phần

**a<sub>i</sub>:** là điểm của học phần thứ i

**n<sub>i</sub>:** là số tín chỉ của học phần thứ i

**n:** là tổng số học phần trong học kỳ hoặc tổng số học phần đã tích lũy.

Kết quả đánh giá học phần ngoại ngữ, giáo dục quốc phòng-an ninh, giáo dục thể chất, kỹ năng bổ trợ không tính vào điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy.

Điểm trung bình chung học kỳ được dùng để xét cảnh báo học vụ, buộc thôi học, nghỉ học tạm thời, xếp loại học lực, đăng ký học bằng kép, học bổng, khen thưởng sau mỗi học kỳ.

Điểm trung bình chung tích lũy được dùng để cảnh báo học vụ, xét buộc thôi học, xếp hạng tốt nghiệp.

## 5. Xử lý học vụ

Sau mỗi học kỳ chính, Nhà trường thực hiện xử lý học vụ.

### a. Cảnh báo kết quả học tập

\*) Điểm trung bình chung tích lũy đạt dưới 1,20 đối với sinh viên năm thứ nhất, dưới 1,40 đối với sinh viên năm thứ hai, dưới 1,60 đối với sinh viên năm thứ ba hoặc dưới 1,80 đối với sinh viên các năm tiếp theo và cuối khóa;

\*) Số lần cảnh báo kết quả học tập của sinh viên không được phép vượt quá 2 lần liên tiếp.

*Khi sinh viên rơi vào diện cảnh báo học vụ cần tranh thủ tối đa tư vấn của cố vấn học tập, của Khoa và Phòng Đào tạo trong việc lựa chọn đăng ký học phần theo 2 hướng:*

- *Rút bớt tối đa số học phần đăng ký.*

- *Đăng ký học lại hoặc học cải thiện (đặc biệt ở kỳ học phụ) để cải thiện điểm trung bình chung tích lũy.*

### b. Thôi học

Sinh viên được thôi học nếu có đơn xin thôi học và được Nhà trường ra quyết định đồng ý.

#### **Phải hết sức cảnh giác để tránh bị buộc thôi học**

Sau mỗi học kỳ, sinh viên bị buộc thôi học nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

\*) Có số lần cảnh báo kết quả học tập vượt quá 2 lần liên tiếp.

\*) Vượt quá thời gian tối đa được phép học quy định tại khoản 1, điều 16 của Quy chế Đào tạo ĐH ở ĐHQGHN năm 2015;

\*) Bị kỷ luật lần thứ hai vì lý do thi hộ hoặc nhờ người thi hộ theo quy định tại mục d, khoản 4, Điều 32 của Quy chế Đào tạo ĐH ở ĐHQGHN năm 2015, hoặc bị kỷ luật ở mức xóa tên khỏi danh sách sinh viên của trường.

Chậm nhất 1 tháng sau khi sinh viên có quyết định buộc thôi học, đơn vị đào tạo phải thông báo trả về địa phương nơi sinh viên có hộ khẩu thường trú.

\*) Sau khi hết hạn nghỉ học tạm thời sinh viên không có đơn xin học trở lại theo quy định khoản 3, Điều 33 của Quy chế Đào tạo ĐH ở ĐHQGHN năm 2015.

\*) Đối với các sinh viên từ QH-2022 trở đi: sinh viên bị buộc thôi học trong trường hợp sinh viên không thuộc diện được nghỉ học tạm thời và không đăng ký học 2 học kỳ liên tiếp sẽ bị buộc thôi học

## **6. Điều kiện tốt nghiệp**

a. Định kỳ mỗi năm 4 lần (tháng 3, tháng 6, tháng 9 và tháng 12), Nhà trường tổ chức xét tốt nghiệp cho sinh viên đã hoàn thành chương trình đào tạo và có đủ các điều kiện sau:

- Trong thời gian học tập tối đa của khóa học;
- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
- Tích lũy đủ số tín chỉ quy định trong chương trình đào tạo;
- Điểm trung bình chung tích lũy của khóa học đạt từ 2,00 trở lên. Đối với chương trình đào tạo chất lượng cao đạt từ 2,50 trở lên;
- Đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ (bậc 3 đối với các chương trình đào tạo chuẩn, bằng kép; bậc 4 đối với chương trình đào tạo chất lượng cao);
- Được đánh giá đạt các học phần giáo dục quốc phòng - an ninh, giáo dục thể chất và kỹ năng bổ trợ.

b. Sinh viên không đủ điều kiện tốt nghiệp chương trình đào tạo chất lượng cao, được xét công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân chương trình đào tạo chuẩn tương ứng theo hình thức đào tạo chính quy.

c. Sinh viên không đủ điều kiện tốt nghiệp được cấp giấy chứng nhận điểm các học phần trong chương trình đào tạo đã tích lũy.

d. Đối với các sinh viên từ QH-2022 trở đi: Sinh viên có kết quả học tập toàn khóa đạt hạng xuất sắc hoặc giỏi sẽ bị hạ một hạng nếu tổng số tín chỉ của các học phần phải học lại vượt quá 5% so với tổng số tín chỉ quy định cho toàn chương trình.

*Ghi chú:* Trong trường hợp sinh viên đã đủ điều kiện tốt nghiệp nhưng muốn được tiếp tục học để cải thiện điểm thì phải làm "Đơn xin lùi thời hạn tốt nghiệp" (Mẫu 2) nộp cho Bộ phận tiếp người học để Nhà trường xem xét giải quyết.

## **7. Chuyển đổi sinh viên giữa các chương trình đào tạo**

a. Chuyển sinh viên học chương trình đào tạo chất lượng cao sang học chương trình đào tạo chuẩn chính quy của ngành học tương ứng.

- Sinh viên học chương trình đào tạo Công nghệ thông tin chất lượng cao chưa bị buộc thôi học phải chuyển sang học chương trình đào tạo chuẩn chính quy của ngành học tương ứng nếu vi phạm một trong các trường hợp sau:
  - Có một học phần nâng cao, bổ sung đạt điểm F;
  - Có điểm trung bình chung học kỳ tính đến thời điểm xét đạt dưới 2,50;
  - Bị kỷ luật trong thời gian học từ mức khiển trách trở lên.
- Khi chuyển sang học chương trình đào tạo chuẩn chính quy, các học phần nâng cao, bổ sung được chuyển đổi như sau:

- Đối với học phần nâng cao, điểm học phần được giữ nguyên, số tín chỉ được quy đổi theo chương trình đào tạo chuẩn;
  - Đối với học phần bổ sung, Nhà trường xem xét cụ thể để quyết định thay thế bằng học phần khác trong chương trình đào tạo chuẩn hoặc xác nhận là học phần tự chọn tự do.
- b. Căn cứ chỉ tiêu đào tạo đã công bố, Thủ trưởng đơn vị đào tạo tổ chức xét tuyển bổ sung sinh viên vào học chương trình đào tạo Công nghệ thông tin chất lượng cao nếu có đủ các điều kiện sau:
- Là sinh viên năm thứ hai hoặc năm thứ ba;
  - Ngành học phù hợp với ngành học có chương trình đào tạo chất lượng cao;
  - Điểm trung bình chung các học phần tính đến thời điểm xét đạt từ 3,20 trở lên và trình độ tiếng Anh đạt chuẩn bậc 3 trở lên.
  - Điểm các học phần tương ứng với học phần trong chương trình đào tạo chất lượng cao phải đạt từ B trở lên.
  - Tư cách đạo đức, ý thức tổ chức kỷ luật tốt.
- Đối với các sinh viên từ QH-2022 trở đi: áp dụng theo Quy chế đào tạo đại học học mới ban hành theo Quyết định 3626/QĐ-ĐHQGHN ngày 21/10/2022 của Đại học Quốc gia Hà Nội. Đối với việc chuyển đổi điểm học phần trong chương trình đào tạo chuẩn sang điểm học phần nâng cao tương ứng, Thủ trưởng đơn vị đào tạo xem xét công nhận tương đương hoặc yêu cầu học bổ sung kiến thức.



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## ĐƠN XIN LÙI THỜI HẠN XÉT TỐT NGHIỆP

Kính gửi: Ban Giám hiệu Nhà trường  
(Qua Phòng Đào tạo)

Tên tôi là: .....; Mã SV: .....

Ngày sinh: .....; Điện thoại: .....

Ngành đào tạo: .....; Khóa: .....

Trong thời gian qua tôi đã hoàn thành các yêu cầu trong chương trình đào tạo và đủ điều kiện để được tốt nghiệp, nay tôi làm đơn này xin được lùi thời hạn xét tốt nghiệp đợt:.....

Lý do:

.....  
 .....  
 .....  
 .....  
 .....

Rất mong sự chấp thuận của Nhà trường.

Trân trọng cảm ơn!

*Hà Nội, ngày      tháng      năm 202....*

Người làm đơn  
(Ký, ghi rõ họ tên)

## KẾ HOẠCH HỌC TẬP TOÀN KHÓA

Họ và tên sinh viên: .....; Mã SV: .....

Mã lớp: .....; Ngành đào tạo: .....; Khóa:.....

Năm học 20... - 20...								
Học kỳ I			Học kỳ II			Học kỳ hè		
Mã MH	Tên học phần	Số TC	Mã MH	Tên học phần	Số TC	Mã MH	Tên học phần	Số TC
Tổng số tín chỉ			Tổng số tín chỉ			Tổng số tín chỉ		

Năm học 20... - 20...								
Học kỳ I			Học kỳ II			Học kỳ hè		
Mã MH	Tên học phần	Số TC	Mã MH	Tên học phần	Số TC	Mã MH	Tên học phần	Số TC
Tổng số tín chỉ			Tổng số tín chỉ			Tổng số tín chỉ		

Năm học 20... - 20...								
Học kỳ I			Học kỳ II			Học kỳ hè		
Mã MH	Tên học phần	Số TC	Mã MH	Tên học phần	Số TC	Mã MH	Tên học phần	Số TC
Tổng số tín chỉ			Tổng số tín chỉ			Tổng số tín chỉ		

Năm học 20... - 20...								
Học kỳ I			Học kỳ II			Học kỳ hè		
Mã MH	Tên học phần	Số TC	Mã MH	Tên học phần	Số TC	Mã MH	Tên học phần	Số TC
Tổng số tín chỉ			Tổng số tín chỉ			Tổng số tín chỉ		

Năm học 20... - 20...								
Học kỳ I			Học kỳ II			Học kỳ hè		
Mã MH	Tên học phần	Số TC	Mã MH	Tên học phần	Số TC	Mã MH	Tên học phần	Số TC
Tổng số tín chỉ			Tổng số tín chỉ			Tổng số tín chỉ		

Hà Nội, ngày      tháng      năm 202...

**Ý kiến của Cố vấn học tập**

**Sinh viên**